

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 4 - 2022
“*V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Sơn Hùng

Ông Trương Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 598/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp BQ, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số 00, tổ 00, khu phố QG, phường QG, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Thị B: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1954 – Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Ngọc Ph thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang; Địa chỉ: Số 00 đường Bùi Thị XX, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp BQ, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà với ông L sống chung từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phú, huyện Châu Phú ngày 02/11/2002. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L .

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thành Được, sinh ngày 13/05/1991 và Đặng Ngọc Yến, sinh ngày 28/12/1993 đã thành niên và có gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Đặng Văn L đang quản lý sử dụng số tiền 465.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Bà yêu cầu ông L trả 50% số tiền 465.000.000 đồng là 228.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Số tiền 330.400.000 đồng và 02 chỉ vàng 24kara loại 9999. Bà yêu cầu xử lý nợ chung theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị xét xử bà rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với nợ chung.

Bị đơn ông Đặng Văn L vắng mặt các lần toà án triệu tập, có văn bản trình ý kiến như sau: Về hôn nhân ông thống nhất với trình bày của bà B , ông đồng ý ly hôn; về con chung thống nhất trình bày của bà B ; Về tài sản chung: ông không có quản lý, sử dụng số tiền như trình bày của bà B ; Về nợ chung: Ông bà có một số nợ như sau: Nợ bà Đặng Thị Lùng 25.000.000đ; Đặng Thị Lạc 30.000.000đ; Đặng Ngọc Lan 20.000.000đ; Nguyễn Thị Lành 12.000.000đ; Nguyễn Văn Quốc 12.000.000đ; Trần Văn Chuẩn 02 chỉ vàng; Ngân hàng chính sách 80.000.000đ. Ông yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả một nửa.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp cho ông Đặng Văn L. Do đó, Toà án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra để giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày: Về hôn nhân, con chung, nợ chung vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện như quá trình tố tụng; Về tài sản chung: Bà rút lại yêu cầu khởi kiện.

Luật sư thông nhất với trình bày, yêu cầu của nguyên đơn, không bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến, quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Không xem xét; Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung; Về án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

HĐXX thấy rằng, bà B và ông L đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Châu Phú. Do đó, hôn nhân giữa bà B và ông L là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Bà B cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. HĐXX thấy rằng, quá trình chuẩn bị xét xử tòa án đã thực hiện thủ tục hoà giải để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Mặt khác, ông L có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà B. Điều này chứng tỏ rằng ông L không còn mong muốn Tòa án hoà giải đoàn tụ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, bà B và ông L đã ly thân khoảng 02 năm nay. Điều này thể hiện vợ chồng ông bà không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng chia sẻ, thực hiện công việc gia đình với nhau. Do đó, ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào*

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông L là phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Ông bà có 02 con chung tên Đặng Thành Được, sinh ngày 13/05/1991 và Đặng Ngọc Yên, sinh ngày 28/12/1993 đã thành niên và có khả năng lao động. Do đó, HĐXX không xem xét.

[2.3] Tài sản chung: Bà B tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Do đó, HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà B là phù hợp với quy định tại **Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự**.

[2.4] Về nợ chung: Bà B rút lại yêu cầu giải quyết nợ chung; ông L có yêu cầu giải quyết nợ chung nhưng ông không cung cấp được thông tin những người có quyền về tài sản đối với vợ chồng ông. Mặt khác, ông không có mặt các lần Toà án triệu tập để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, HĐXX không có cơ sở xử lý yêu cầu của ông. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý nợ chung, trường hợp sau này có tranh chấp thì giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; Hoàn lại cho bà B 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị B đối với ông Đặng Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 02 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về nợ chung: Không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Lê Thị B đối với số tiền 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

4. Về án phí:

+ Bà Lê Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Lê Thị B đã nộp theo biên lai thu số: 0003836 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

+ Hoàn lại cho bà Lê Thị B 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003835 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đương sự có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- UBND xã Bình Phú;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Văn Hoà